Tên: ……..

Lớp: S3…

Ngày giao bài: Thứ …, ngày ….…..

Ngày nộp bài: Thứ …, ngày ….…..

Từ vựng & Ngữ pháp HW: ……

Nghe HW: ……

StarLink

GE3 - Unit 7: Puzzles and codes - Vocabulary Revision & Presentation

A. THEORY: VOCABULARY REVISION

❖ **Poem "Have You Ever Done That?"**

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**storm** (n)	cơn bão	6	**stay awake** (v)	thức
2	**waves** (n)	các cơn sóng	7	**strange** (adj)	kỳ lạ
3	**outside** (adv)	bên ngoài	8	**wild** (adj)	hoang dã
4	**whisper** (v)	thì thầm	9	**bravely** (adv)	một cách dũng cảm
5	**toss** (v)	ném, quăng			

❖ **Patterns**

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**stripe** (n)	sọc	2	**spot** (n)	đốm

❖ **Secret Codes**

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**ancient** (adj)	cổ xưa, cổ đại	4	**enemy** (n)	kẻ thù
2	**emperor** (n)	hoàng đế	5	**message** (n)	thông điệp, tin nhắn
3	**army** (n)	quân đội	6	**deliver** (v)	giao, chuyển (thư, tin)

❖ **HOMEWORK: Extra vocabulary**

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**memory** (n)	ký ức, trí nhớ	4	**experience** (n)	trải nghiệm
2	**run away** (phr.v)	bỏ trốn, chạy trốn	5	**week** (n)	tuần
3	**personal** (adj)	của cá nhân	6	**grey / gray** (adj)	màu xám

**Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ; adv = adverb: trạng từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ.*

B. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (15 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở mục HOMEWORK: Extra vocabulary (trang 1) 1 dòng vào vở ghi.

II. Fill in the missing letters. *(Điền chữ cái còn thiếu.)*

0. Prince Henry is missing a ***p l a t e*** *that he can eat from.*

1. In **a** .... times, kings and queens ruled many lands.
2. People wrote **m** .... **s** in secret code.
3. A messenger rode a horse and helped **d** .... messages.
4. Julius Caesar, the **e** .... of ancient Rome, used secret codes in messages.
5. The **e** .... caught the messenger but they couldn't read Julia's messages.

LIVEWORKSHEETS

III. Read the text and choose the correct answers. *(Đọc đoạn và chọn đáp án đúng.)*

Have you ever been outside in a storm at night? I have, and it is a memory I will never forget. One evening, the sky became dark, and the wind started to blow very strongly. Soon, there were big waves near the sea, and they made loud sounds. The wind made strange sounds, and everything felt scary but exciting. I tried to stay awake because I wanted to hear and see everything around me. The wild trees moved and shook in the storm, and their shadows looked very big. I felt afraid, but I did not cry. My friend was with me and stayed calm. He tossed a warm jacket to me so I could feel better. We talked quietly and helped each other. We did not run away. We walked bravely, step by step, and went home safely together. After that night, I felt proud and much stronger.

0. Where was the writer?

A. Inside the house (B.) *Outside* *C. At school*

1. What was the weather like?

A. Sunny B. Stormy C. Hot

2. What did the writer try to do?

A. Stay awake B. Go to sleep C. Play games

3. What did the friend toss?

A. A book B. A hat C. A jacket

4. How did they walk home?

A. Bravely B. Sadly C. Quietly

5. What is the text about?

A. A school activity B. A wild animal C. A personal experience

IV. Read the statements and decide if they are RIGHT or WRONG.
(Đọc các câu và quyết định xem chúng ĐÚNG hay SAI.)

	RIGHT	WRONG
*0. She has **two small red apples**.*	x	
1. I want **a white small dog**.		
2. He bought **three large green balloons**.		
3. There is a **small two yellow box** here.		
4. My sister is wearing **one big pink hat** today.		
5. They have **four red small chairs** in the room.		

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE (5 questions)

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/s3_w25_homework_flyers-part-2

FLYERS PART 2

Listen and write. There is one example.

Mrs Wright's Rabbit

	Bought at:	the *pet shop*
1	Age:	..... weeks
2	Favourite food:	.....
3	Sleeps:	in a ..... outside
4	Colour:	white and .....
5	Name:	.....

LIVEWORKSHEETS